
Bản án số: 26/2019/HNGĐ - ST
Ngày: 16 - 8 - 2019
V/v: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚC THỌ, THÀNH PHỐ HÀ NỘI

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Hoàng Đức Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Kiều Thị Ninh

Ông Lê Xuân Sơn.

- Thư ký phiên toà: Ông Khuất Tiến Phúc - Thẩm tra viên Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phúc Thọ, thành phố Hà Nội tham gia phiên toà: Bà Khuất Thu Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 16 tháng 8 năm 2019 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Phúc Thọ, Thành phố Hà Nội tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số: 144/2019/TLST - HNGĐ ngày 28 tháng 5 năm 2019 về việc: “Tranh chấp Hôn nhân và gia đình”, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 29/2019/QĐXXST - HNGĐ ngày 15 tháng 7 năm 2019, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: **Anh Đỗ Hữu M**, sinh năm 1991 (có mặt)

Địa chỉ: Cụm 5, xã T C, huyện P T, Thành phố Hà Nội.

- Bị đơn: **Chị Nguyễn Thị Thanh N**, sinh năm 1994 (vắng mặt lần thứ 2).

Địa chỉ: Cụm 5, xã T C, huyện P T, Thành phố Hà Nội.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

- Theo đơn khởi kiện và các bản tự khai của nguyên đơn có trình bày như sau: Anh Đỗ Hữu M kết hôn với chị Nguyễn Thị Thanh N và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T C, huyện P T, Thành phố Hà Nội vào ngày 15/9/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống cùng với bố mẹ anh M tại xã T C, huyện P T. Tình cảm vợ chồng thời gian đầu chung sống hạnh phúc. Tuy nhiên được một thời gian vợ chồng phát sinh mâu thuẫn vì nhiều nguyên nhân khác nhau. Một phần là do chị N đối xử không tốt với bố mẹ chồng và cả gia đình nhà chồng, hai là vợ chồng ngày càng không hiểu nhau, nhiều lúc anh M không biết chị N làm công việc gì, làm ở đâu anh cũng không biết. Từ đó vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Anh và chị N sống ly thân từ tháng 01/2018, từ đó đến nay chị N không về thăm con và cũng không về gia đình. Anh M chỉ liên lạc với chị N qua số điện thoại chứ không biết chị N hiện nay đang làm gì và ở đâu. Anh M cũng đã đến nhà bố mẹ đẻ của chị N nhưng bố mẹ chỉ bảo là chị N đi làm, không cho biết địa chỉ của chị N.

Nay anh xác định tình cảm vợ chồng không hàn gắn được nên đề nghị Tòa án huyện P T giải quyết cho anh được ly hôn với chị N.

Về con chung: Có hai con chung là cháu Đỗ Hữu Hồng Minh, sinh ngày 11/3/2014 và cháu Đỗ Thị Thảo Nhi, sinh ngày 04/9/2016. Hiện nay cả hai cháu đang ở với anh M. Nếu ly hôn anh M nhận nuôi cả hai cháu và không yêu cầu chị N phải cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản, công nợ: Không có.

- Bị đơn là chị Nguyễn Thị Thanh N: Sau khi Tòa án thụ lý vụ án đã triệu tập chị N đến Tòa án giải quyết việc anh M có đơn ly hôn. Tuy nhiên, nhiều lần chị N không có mặt tại Tòa án. Qua xác minh tại chính quyền địa phương được biết chị N kết hôn với anh Đỗ Hữu M và có đăng ký kết hôn tại UBND xã T C, huyện P T, Thành phố Hà Nội vào ngày 15/9/2013. Hiện nay chị N vẫn có hộ khẩu thường trú tại cụm 5, xã T C, huyện P T, Thành phố Hà Nội nhưng thường xuyên không có mặt tại địa phương.

- Ông Nguyễn Văn Ngọc là bố đẻ của chị N cũng trình bày: Gia đình tổ chức cưới cho chị N và anh M vào tháng 9/2013. Sau khi kết hôn hai vợ chồng về sống chung và ở cùng với bố mẹ anh M tại xã T C, huyện P T. Trong thời gian vợ chồng chung sống có xảy ra mâu thuẫn còn lý do mâu thuẫn thì ông không rõ. Hiện nay, chị N đang đi làm và vẫn thường xuyên về thăm nom con. Nay anh M có đơn ly hôn là tùy ở hai anh chị gia đình không có ý kiến gì khác.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện P T phát biểu ý kiến về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và của người tham gia tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án kể từ khi thụ lý cho đến trước khi nghị án và phát biểu ý kiến về việc giải quyết vụ án: Tòa án thụ lý đúng thẩm quyền và xác định đúng quan hệ pháp luật tranh chấp, việc xác định tư cách người tham gia tố tụng, thu thập chứng cứ, tổng đạt văn bản tố tụng đảm bảo đúng quy định pháp luật. Tại phiên tòa Thẩm phán, Hội đồng xét xử chấp hành đầy đủ và đúng các quy định của pháp luật tố tụng dân sự, các đương sự được thực hiện đầy đủ các quyền và nghĩa vụ của mình.

Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình: Chấp nhận đơn khởi kiện của anh Đỗ Hữu M, xử cho anh M được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh N.

Về con chung: Giao cho anh M nuôi cháu Đỗ Hữu Hồng Minh, sinh ngày 11/3/2014 và cháu Đỗ Thị Thảo Nhi, sinh ngày 04/9/2016.

Về tài sản chung; về nợ: Không có.

Về án phí anh M phải chịu án phí theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Anh Đỗ Hữu M và chị Nguyễn Thị Thanh N kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã Thương C, huyện P T, Thành phố Hà Nội vào ngày 15/9/2013. Vì vậy, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp. Sau khi kết hôn vợ chồng về chung sống cùng với mẹ anh M tại cụm 5, xã T C. Thời gian đầu tình cảm vợ chồng chung sống hạnh phúc, sau một thời gian chung sống vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn với nhiều nguyên nhân khác nhau. Một là do chị N đối xử không đúng với bố mẹ, hai là vợ chồng không hiểu nhau, nhiều khi anh M cũng không biết chị N làm công việc gì, chính vì vậy vợ chồng mới phát sinh mâu thuẫn. Từ đầu năm 2018 do hai vợ chồng mâu thuẫn nên không còn quan tâm đến nhau nữa. Nay do hai bên đều đi làm chỗ khác

nhau nên chỉ liên lạc với chị N qua điện thoại. anh M xác định tình cảm vợ chồng không còn. Vì vậy, cần giải quyết cho anh M ly hôn với chị N là phù hợp với quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

[2]. Con chung: Anh Đỗ Hữu M và chị Nguyễn Thị Thanh N có hai con chung là cháu Đỗ Hữu Hồng Minh, sinh ngày 11/3/2014 và cháu Đỗ Thị Thảo Nhi, sinh ngày 04/9/2016. Hiện nay hai cháu đều ở với anh M, nếu ly hôn anh M nhận nuôi cả hai cháu. Quá trình giải quyết chị N không có mặt ở địa phương chỉ thỉnh thoảng về thăm nom con. Vì vậy, cần giao hai cháu Minh và cháu Nhi cho anh M tiếp tục nuôi dưỡng cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc khi chị N có yêu cầu thay đổi khác.

Do anh M không yêu cầu chị N cấp dưỡng nuôi con chung nên hội đồng xét xử không xem xét.

[3]. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết, về nợ: Không có.

[4]. Về án phí: Anh Đỗ Hữu M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 81; Điều 82 và Điều 83 Luật hôn nhân và gia đình; Điều 147 Căn cứ: khoản 5, 6 Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của anh Đỗ Hữu M.

Anh Đỗ Hữu M được ly hôn với chị Nguyễn Thị Thanh N.

2. Về con chung: Giao cháu Đỗ Hữu Hồng Minh, sinh ngày 11/3/2014 và cháu Đỗ Thị Thảo Nhi, sinh ngày 04/9/2016 cho anh Đỗ Hữu M nuôi cho đến khi hai cháu đủ 18 tuổi hoặc khi có yêu cầu thay đổi khác của cơ quan Nhà nước có thẩm quyền. Tạm hoãn việc cấp dưỡng nuôi con cho chị N cho đến khi có yêu cầu mới.

Chị N có quyền và nghĩa vụ thăm nom, chăm sóc, giáo dục con chung không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết; Về nợ: Không có.

4. Về án phí: Anh Đỗ Hữu M phải chịu 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm. Được trừ và số tiền đã nộp tạm ứng án phí lệ phí Tòa án tại biên lai thu số: 0005697 ngày 28/5/2019 của Chi cục thi hành án dân sự huyện P T, thành phố Hà Nội.

5. Căn cứ vào các Điều 271; Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự:

Anh Đỗ Hữu M có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Chị Nguyễn Thị Thanh N có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Nơi nhân

- TAND thành phố Hà Nội;
- VKSND huyện Phúc Thọ;
- CCTHADS huyện Phúc Thọ;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu hồ sơ vụ án.

T/M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Hoàng Đức Ngọc

